

ĐẢNG ỦY TRƯỜNG CHÍNH TRỊ  
\*

**THÔNG TIN SINH HOẠT NỘI BỘ**  
**(Phục vụ sinh hoạt chi bộ tháng 9/2022)**

## **I. QUẢN TRIỆT VÀ THỰC HIỆN CHUYÊN ĐỀ NĂM 2022: Khát vọng Việt Nam theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh - Từ nhận thức đến hành động**

Một đất nước Việt Nam hùng cường sánh vai với các cường quốc năm châu cũng là khát vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh - lãnh tụ kính yêu của dân tộc và của Đảng Cộng sản Việt Nam - đồng thời cũng là khát vọng cháy bỏng của người Việt Nam yêu nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã phản ánh sự khát vọng của dân tộc về sự phát triển. Đại hội không những xác định đường lối phát triển đất nước 5 năm 2021 - 2026 mà còn nêu lên định hướng phát triển đất nước đến năm 2030 (năm Đảng tròn 100 tuổi), đồng thời nêu tầm nhìn đến năm 2045 (năm nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tròn 100 tuổi). Một đất nước Việt Nam hùng cường sánh vai với các cường quốc năm châu cũng là khát vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh - lãnh tụ kính yêu của dân tộc và của Đảng Cộng sản Việt Nam - đồng thời cũng là khát vọng cháy bỏng của người Việt Nam yêu nước.

### **Từ nhận thức**

Về nhận thức, khát vọng Việt Nam theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chủ yếu thể hiện ở trên những điểm sau đây:

*Một là, khát vọng về nước độc lập, dân tự do, ấm no, hạnh phúc*

Chủ tịch Hồ Chí Minh biểu đạt sự khát vọng của mình ở nhiều lúc, nhiều nơi. Chẳng hạn, trong những năm 20 của thế kỷ trước, Người nói: Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những gì tôi hiểu. Khi nước nhà mới giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời các nhà báo nước ngoài: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”. Nhìn một cách tổng quát, khát vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở vấn đề cơ bản là: nước độc lập, dân tự do, ấm no, hạnh phúc, sánh vai với các cường quốc năm châu. Nói gọn lại, đó là “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” như tiêu đề sau dòng tên nước “Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” của văn bản hành chính nhà nước do Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên. Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu điều mong muốn cuối cùng: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”. Người luôn luôn truyền cảm hứng về khát vọng đó cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong suốt quá trình cách mạng.

*Hai là, khát vọng về một Việt Nam hùng cường*

Khát vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề này thể hiện rõ trong việc chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo ra sức mạnh tổng hợp để xây dựng, bảo vệ và phát triển bền vững đất nước. Trong đại đoàn kết, có đoàn kết trong Đảng, đoàn kết toàn dân, toàn quân, đoàn kết quốc tế. Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thống nhất biện chứng với nhau và thể hiện trong việc nhận thức bằng hành động của Người. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng với toàn Đảng, toàn quân và toàn dân xác định cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước cả trong thời gian dài cũng như từng chặng đường phát triển, huy động được sức mạnh tổng hợp để giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Sức mạnh hùng cường phải được tạo ra từ sự trong sạch, vững mạnh của Đảng, Nhà nước, các tổ chức đoàn thể của nhân dân (sau này được gọi là hệ thống chính trị); từ sự vận hành có hiệu quả của cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Trên tinh thần đó, Đại hội XIII của Đảng đã thể hiện khát vọng này của Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng đường lối và bằng quá trình lãnh đạo triển khai thực hiện đường lối đó trong công cuộc đổi mới. Căn cứ vào các điều kiện của dân tộc và thế giới, dự báo trên những nét cơ bản của xu hướng phát triển, Đảng đã đề ra mục tiêu đến năm 2025 cũng như đến năm 2030 và hướng tầm nhìn đến năm 2045 đưa nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Đó là một khát vọng lớn được phản ánh trong tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh mà chúng ta cần nhận thức rõ.

*Ba là, khát vọng thế giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển*

Sự nghiệp giải phóng và phát triển của Chủ tịch Hồ Chí Minh được đặt ra trong một thế giới có nhiều mâu thuẫn. Giải quyết những mâu thuẫn trên thế giới chính là yêu cầu luôn luôn đặt ra cho nhân loại trong việc giải quyết những vấn đề toàn cầu. Khát vọng Việt Nam theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thể hiện ở sự tích cực phấn đấu cho một thế giới hòa bình, hòa bình thật sự, hòa bình chân chính trên cơ sở tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; một thế giới hợp tác, hữu nghị, cùng phát triển. Do đó, không phải ngẫu nhiên mà Tổ chức, Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) trong Phiên họp toàn thể lần thứ 24 tại Pari, Pháp năm 1987 đã thông qua Nghị quyết về Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó ghi nhận Người là anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn; là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội; tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc mình, tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau.

### **Đền hành động**

Khát vọng chỉ là khát vọng, nếu chỉ ở trên lời nói. Điều cần thiết trong giai đoạn cách mạng hiện nay là nói phải đi đôi với làm thì khát vọng mới có khả năng biến thành hiện thực, cần biến khát vọng của dân tộc Việt Nam thành hành động cách mạng của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân. Thuận lợi - có; khó khăn - rất nhiều. Hãy cùng quan niệm rằng, các năm 2021, 2022 không phải là những năm chạy đà, mà là năm thực sự bắt tay vào việc biến khát vọng non sông được ghi trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng thành hành động cách mạng. Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân Việt Nam tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được trong lúc đất nước bị ảnh hưởng từ khó khăn của tình hình thế giới, nhất là sự đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu cũng như ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, khắc phục những trở ngại, thách thức để tiếp tục phát triển một cách mạnh mẽ hơn, bền vững hơn với mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Để biến khát vọng theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thành hành động, rất cần những điều sau đây:

#### **1. Cần có quyết tâm chính trị cao:**

Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thể hiện rất rõ ý chí quyết tâm của Người trong mọi công việc, và Người đã truyền quyết tâm đó cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ để đi tìm mục tiêu và con đường cứu nước đúng đắn. Từ tìm đường, Người trở thành người mở đường, dẫn đường cho cách mạng Việt Nam. Khi cùng toàn Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Người nói rằng, khi thời cơ đến, phải quyết tâm giành cho được chính quyền, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành cho được độc lập. Bản Tuyên ngôn độc lập do Người đọc tại cuộc mít tinh ở Vườn hoa Ba Đình, Hà Nội, chiều ngày 2-9-1945 nêu rõ: “Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập”. Trên đường đi Chiến dịch Biên giới năm 1950, Người nói với Đội Thanh niên xung phong đang làm đường ở tỉnh Bắc Cạn: “Không có việc gì khó/Chỉ sợ lòng không bền/Đào núi và lấp biển/Quyết chí cũng làm nên”. Trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ngày 19-12-1946, Người nói: “Chúng ta hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Người nêu quyết tâm: hễ còn một tấc đất trên đất nước ta thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi; rằng: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!”. Trong Di chúc, Người nêu: “Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn”. Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, Người luôn luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, vào tương lai và sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội, và Người kêu gọi toàn Đảng, toàn quân, toàn dân quyết tâm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

#### **2. Phải thể hiện bằng hành động; nói đi đôi với làm**

Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh có một trong những đặc trưng làm thành các cặp chỉnh thể: nói đi đôi với việc làm, lý luận gắn với thực tế, học đi đôi với hành. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu điều này ngay trong trang đầu cuốn sách Đường cách mệnh năm 1927: “Nói thì phải làm” và “xắn tay áo làm” khi nói chuyện với các đại biểu thân sĩ trí thức, phú hào tỉnh Thanh Hoá khi Người đến thăm và làm việc vào tháng 2-1947 trước khi trở lại Việt Bắc cùng Trung ương Đảng tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược. Hiện nay, càng cần phải chú ý khắc phục bốn biểu hiện: 1) Nói nhiều nhưng làm ít; 2) Nói thì hay nhưng làm thì dở; 3) Nói mà không làm; 4) Nói một đằng làm một nẻo.

Quyết tâm phải đi liền với chương trình, kế hoạch hành động thiết thực như Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rằng, quyết tâm mười phần thì kế hoạch phải hai mươi phần, chớ đem chủ quan của mình áp vào bất thực tế phải theo, như “đeo chân cho vừa giày”. Có nghị quyết đúng là điều rất quan trọng, nhưng chưa đủ. Có quyết tâm cũng là cần nhưng vẫn chưa đủ. Điều cần và đủ sau những yếu tố đó là kế hoạch thiết thực, tỉ mỉ, có khả năng thực thi, có tổ chức thật sự phù hợp, có sự dốc lòng, dốc sức của cả toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, tức là phải xây dựng, củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/Thành công, thành công, đại thành công”.

Kết quả thực tế trên từng lĩnh vực, ở tất cả các cấp, các ngành là thước đo chính xác nhất trong việc biến khát vọng của đất nước thành hiện thực. Tăng trưởng kinh tế là cực kỳ cần thiết, nhưng phải là phát triển bền vững. Kinh tế phải dựa trên nền văn hoá. Phải nhìn trên chỉ số tổng hợp để nói lên sự phát triển văn minh, tiến bộ của cả đất nước chứ không chỉ ở mức độ tăng trưởng kinh tế. Sự phồn vinh, hạnh phúc của cả đất nước thể hiện ở những chỉ số tổng hợp, trong đó có cả sự bình an, ở chủ quyền quốc gia, ở một xã hội lành mạnh, ở quan hệ quốc tế trong sáng, ở kết quả của quá trình phấn đấu đạt mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

### **3. Mở rộng hợp tác quốc tế đi đôi với tự lực, tự cường**

Phải đẩy mạnh hội nhập quốc tế trên tinh thần giữ vững và phát huy bản sắc dân tộc. Thế giới hiện nay là thế giới toàn cầu hoá, Việt Nam muốn phát triển thì không thể đứng ngoài quá trình này. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong xây dựng đất nước sau khi thiết lập chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa hàm chứa tinh thần quảng giao: “làm bạn với mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai” “thân thiện với tất cả các nước dân chủ trên thế giới để giữ gìn hoà bình” với tâm thế “*bốn biển đều là anh em*”, “tinh nghĩa năm châu bốn biển một nhà”.

Trong hơn 35 năm đổi mới, đất nước ta đã hội nhập quốc tế ngày càng sâu và toàn diện hơn, đã đề ra đường lối đối ngoại đa phương hoá, đa dạng hoá, là đối tác có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế cùng phát triển. Điều đáng nhấn mạnh thêm ở đây theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là hợp tác quốc tế phải trên cơ sở kết hợp nội lực với ngoại lực; hợp tác trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, các bên cùng có lợi, giải quyết các mối quan hệ theo các công ước quốc tế, không dùng vũ lực hoặc đe dọa vũ lực. Thế giới càng phát triển trong toàn cầu hoá và cạnh tranh gay gắt thì sự rủi ro trên con đường phát triển của mỗi dân tộc càng lớn. Trong tình hình đó, nhiều chính trị gia cảnh báo về nguy cơ mất đi bản sắc dân tộc. Biện chứng trong tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là ở chỗ: tăng cường và mở rộng quan hệ quốc tế, giữ vững và phát huy bản sắc dân tộc. Tinh thần biện chứng trong tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho thấy rõ: ý chí tự lực, tự cường không đồng nghĩa với chủ quan, duy ý chí, cũng không phải là sự cô độc, mà là sự kết tinh của bản lĩnh chính trị trên cơ sở nhận quan đúng đắn về thời cuộc, biết mình, biết người, có tinh thần chủ động và ý chí lớn lao để hành động một cách phù hợp. Tự lực, tự cường không có nghĩa là đóng cửa, tự cô lập mình, đồng thời cũng không bao giờ được phép ỷ lại sự giúp đỡ của các nước khác, không đánh mất chính mình. Chúng ta đang sống trong một hoàn cảnh thế giới rất phức tạp vừa hợp tác, vừa đấu tranh với sự cạnh tranh gay gắt, với sự thao túng của các nước lớn trong các mối quan hệ quốc tế. Chỉ có tự lực, tự cường theo tinh thần “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên trong lãnh đạo Tổng Khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám song song với đẩy mạnh hợp tác quốc tế thì đất nước mới phát triển một cách bền vững được.

Để biến khát vọng của đất nước thành hành động, cần chú trọng kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, luôn luôn nhất quán coi nội lực là yếu tố quyết định, ngoại lực là yếu tố quan trọng.

Đó cũng là sự quán triệt một cách đầy đủ và sâu sắc tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng ta với tư duy và hành động cách mạng trong suốt quá trình phát triển của dân tộc. Trong công cuộc đổi mới, Việt Nam phải vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, tiến hành “một cuộc chiến đấu không lờ” “chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi” đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiên lượng trong Di chúc. Nội lực là yếu tố có tính chất quyết định, ngoại lực là yếu tố quan trọng trong sự phát triển bền vững. Phải thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh: “một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”. Thời cuộc đã mở ra cho nước ta thời cơ mở rộng hợp tác quốc tế hơn bao giờ hết. Trên tinh thần đó, Đại hội XIII của Đảng đã quán triệt tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh từ đó nêu lên nguyên tắc: “Bảo đảm cao nhất lợi ích của quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi”.

**4. *Biển khát vọng của đất nước thành hành động phải được thể hiện trong tất cả các cấp, các ngành, trong các lĩnh vực, trong mọi cán bộ, đảng viên***

Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập việc xây dựng thực lực cách mạng Việt Nam tạo ra sức mạnh tổng hợp từ tất cả các nguồn lực, trong tất cả các lĩnh vực, từ chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, v.v. Với tinh thần đầy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, các Đại hội của Đảng, trong đó có Đại hội XIII, đã nêu lên quan điểm chỉ đạo: “Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hoá là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”. Nhận thức đó phải biến thành hành động cách mạng, phải đi vào cuộc sống và đạt được những kết quả tốt. Đổi mới về kinh tế từng bước với đổi mới chính trị; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc; bảo đảm một nền quốc phòng, an ninh vững chắc trên cơ sở xây dựng, củng cố và phát triển thể trận lòng dân, thực thi một chính sách đối ngoại đúng đắn trên cơ sở bảo đảm độc lập, chủ quyền quốc gia đồng thời tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế vì hoà bình, độc lập, phát triển, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Trong tình hình hiện nay, cần tiếp tục thấm nhuần tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế, vượt qua khó khăn để tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước, tạo ra thế và lực từ nội tại của tất cả các lĩnh vực, ở tất cả các ngành, các cấp. Chỉ có như thế, đất nước ta mới tiến nhanh và bền vững trên con đường chủ nghĩa xã hội, đủ sức tự bảo vệ mình trước mọi âm mưu và hành động chống phá cách mạng của các thế lực thù địch. Đồng thời, với sức mạnh tổng hợp đó từ nội lực, tức là bồi đắp năng lực cạnh tranh quốc tế thì đất nước ta mới phát triển có hiệu quả trong môi trường toàn cầu hoá, đặc biệt là trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, vì sự phát triển tiến bộ trên thế giới.

**5. *Thực hành dân chủ đi đôi với tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội***

Cần nhận thức một cách biện chứng rằng, dân chủ và kỷ cương xã hội không phải là hai yếu tố đối lập nhau mà chúng có quan hệ khăng khít nhau. Phải tiếp tục cụ thể hóa, hoàn thiện thể chế thực hành dân chủ theo đúng tinh thần của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 (bổ sung, phát triển năm 2011) và theo Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013. Dân chủ, theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh là dân là chủ và dân làm chủ. Dân là chủ tức là đề cập vị thế của dân; dân làm chủ là đề cập trách nhiệm của dân. Thực hiện tốt, có hiệu quả các hình thức dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp, đặc biệt là dân chủ cơ sở. Muốn thực hành dân chủ thực sự có hiệu quả thì càng phải tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội; muốn tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội thật tốt thì càng phải thực hành thật sự dân chủ. Tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, do đó, không phải là biểu hiện của sự độc tài; thực hành dân chủ, cũng do đó, không phải là thứ dân chủ “vô chính phủ”, dân chủ quá trớn. Trước đây, phương châm được Đảng nêu từ trước là “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”; Đại hội XIII của Đảng bổ sung, hoàn thiện phương châm này bằng “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Bên cạnh kiểm tra, giám sát, thì dân hưởng là một nội dung rất quan trọng để bảo đảm cho cơ chế thực hành dân chủ có hiệu quả, vì dân chính là chủ thể phản ánh bản chất của dân chủ. Giám sát, thụ hưởng là yếu tố cuối trong chuỗi nội dung để phát huy vai trò làm chủ, thể hiện dân chủ của xã hội, để tạo ra động lực mạnh cho sự phát triển dân chủ trong xã hội nước ta. Đó là dân chủ có hiệu quả nhất, điều bảo đảm cho dân chủ đi vào thực chất, tiếp tục xây dựng, củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Kỷ cương, kỷ luật là sự biểu hiện của tự do đúng theo nghĩa vận hành trong một xã hội lành mạnh. Dân chủ tạo ra giá trị tự do. Tự do đúng nghĩa của nó chính là sự nhận thức và hành động theo điều tất yếu, tức là theo đúng quy luật của tự nhiên và xã hội. Nếu làm trái quy luật thì không những ảnh hưởng xấu đến tự do của những người xung quanh, của toàn xã hội mà còn tự làm mất tự do của chính bản thân mình. Dân chủ và kỷ cương đi đôi với nhau cũng có nghĩa là phải xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng kỷ luật của Đảng, đúng pháp luật của Nhà nước những tổ chức, cá nhân lợi dụng dân chủ, gây rối nội bộ, làm mất ổn định chính trị - xã hội hoặc vi phạm dân chủ, phương hại đến quyền làm chủ của nhân dân. Kiên quyết đấu tranh phòng và chống những biểu hiện tiêu cực trong Đảng và ngoài xã hội, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nội bộ. Phải kiên quyết đấu tranh không khoan nhượng và đập tan mọi âm mưu, hành động của các thế lực thù địch muốn xóa bỏ chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa của Việt Nam.

### **6. Biểu khát vọng của đất nước thành hành động theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ, đảng viên phải nêu gương sáng**

Một tấm gương sáng còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền - đó là quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong hành động thực tế, cán bộ, đảng viên phải là người đi tiên phong, tận tâm, tận lực phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, làm đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Đất nước rất cần những con người như thế trong mọi lĩnh vực công tác, mọi địa bàn, mọi lúc, mọi nơi. Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng cần một đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, luôn luôn trung với nước, với Đảng, hiếu với dân, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, năng động, đổi mới sáng tạo. Cần một đội ngũ cán bộ, đảng viên có đủ đức và tài, trong đó đức là gốc, những người không bị danh lợi cám dỗ làm cho tha hóa, sa vào hủ bại. Cần một đội ngũ cán bộ, đảng viên sẵn sàng hy sinh quyền lợi cá nhân mình, gia đình, họ hàng mình cho lợi ích tối cao của cách mạng; không sa vào tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm và phải luôn luôn có tinh thần đấu tranh không khoan nhượng với những tiêu cực với ba biểu hiện như tham ô/tham nhũng, lãng phí, quan liêu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh coi là “giặc nội xâm”.

Thấm nhuần tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, với khát vọng đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, Đại hội XIII của Đảng chính là một mốc lớn phản ánh tinh thần quật khởi của cả một đất nước vươn lên trong khó khăn của tình hình trong nước và thế giới. Đại hội XIII của Đảng là Đại hội của niềm tin đất nước ta sẽ tiến bước cùng nhân loại tiến bộ, sánh vai với các cường quốc năm châu bước lên đài vinh quang của ấm no, tự do, hạnh phúc cho tất cả mọi người, để không ai bị bỏ lại phía sau. Điều này phụ thuộc hoàn toàn vào tổ chức Đảng, tổ chức hệ thống chính trị nói chung và phụ thuộc vào chính con tim khối óc của tất cả những người Việt Nam yêu nước, mà nổi rõ hơn hết là đội ngũ cán bộ, đảng viên.

## **II. THÔNG TIN ĐỊNH HƯỚNG**

### **1. NÂNG CAO TÍNH CHIẾN ĐẤU, TÍNH THUYẾT PHỤC, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU, NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG TRONG GIAI ĐOẠN MỚI**

*BBT: Đồng chí Nguyễn Trọng Nghĩa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương có bài viết về yêu cầu, nhiệm vụ của công tác tư tưởng trong giai đoạn mới đăng trên Tạp chí cộng sản số tháng 8/2022, Ban Biên tập xin trích giới thiệu đến các đồng chí một phần nội dung bài viết trên.*

**Công tác tư tưởng là một bộ phận trọng yếu trong công tác xây dựng Đảng, là nhân tố quan trọng hàng đầu bảo đảm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng. Hiện nay, bối cảnh mới đang đặt ra yêu cầu phải nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng, nhằm tạo ra sự thống nhất cao về ý chí và hành động trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân để tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ Đại hội XIII của Đảng đã đề ra.**

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh, “đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”. Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta có quyền tự hào, *công tác tư tưởng thời gian qua đã có đóng góp xứng đáng vào các thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của đất nước*. Cụ thể là: Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, học tập chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục được đẩy mạnh, nội dung, hình thức đa dạng, phong phú hơn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị được đổi mới cả về nội dung và phương pháp; chất lượng đào tạo, bồi dưỡng được nâng lên; từng bước khắc phục tình trạng lười học, ngại học lý luận chính trị trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng có nhiều đổi mới, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn Đảng, sớm đưa nghị quyết vào thực tiễn cuộc sống; chất lượng học tập, quán triệt được nâng lên, tiết kiệm được thời gian và kinh phí.

Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn được đẩy mạnh. Đặc biệt, hệ thống lý luận về đường lối

đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam tiếp tục được bổ sung, phát triển; góp phần đổi mới, bổ sung, phát triển tư duy lý luận, thống nhất nhận thức về những vấn đề lý luận chính trị nền tảng; khẳng định những giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như quá trình vận dụng sáng tạo vào thực tiễn; cung cấp luận cứ đấu tranh, phê phán, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, góp phần nâng cao tính chiến đấu, tính thuyết phục, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Việc tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đã góp phần tích cực vào việc nâng cao nhận thức, thống nhất ý chí và hành động trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, nhất là trên không gian mạng, đã được Đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và có những kết quả rõ rệt. Cùng với đó, công tác lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan báo chí, xuất bản cũng có những chuyển biến tích cực.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, chúng ta cũng phải *thẳng thắn nhận diện rõ những hạn chế, yếu kém, bất cập để nhanh chóng có những biện pháp khắc phục kịp thời, sát hợp, hiệu quả*. Cụ thể là: Công tác tư tưởng có nơi, có lúc thiếu kịp thời, chưa sắc bén, tính thuyết phục chưa cao; việc giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên chưa thường xuyên; một bộ phận đảng viên chưa nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng. Việc học tập lý luận chính trị tuy có nhiều cố gắng nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác thông tin, tuyên truyền một số đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước còn chưa kịp thời, hình thức chưa phong phú. Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có lúc, có nơi tính chiến đấu chưa cao, còn bị động, lúng túng. Việc dự báo, nắm bắt tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân và định hướng dư luận xã hội có lúc chưa kịp thời. Kết quả thực hiện một số chủ trương của Đảng về quản lý báo chí, truyền thông, xuất bản, quản lý internet, mạng xã hội chưa đáp ứng yêu cầu. Vai trò của văn học, nghệ thuật trong công tác tư tưởng chưa được phát huy đầy đủ. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận chưa được quan tâm đúng mức, chưa đáp ứng yêu cầu; một số vấn đề mới, khó, phức tạp thực tiễn đặt ra chưa được làm sáng tỏ.

*Giai đoạn mới có nhiều điều kiện thuận lợi, đồng thời cũng đặt ra những yêu cầu mới, ngày càng cao đối với công tác tư tưởng*. Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ, trong những năm tới, tình hình thế giới và khu vực sẽ có nhiều thay đổi rất nhanh, phức tạp, khó dự báo, tác động trực tiếp đến nước ta, tạo ra cả thời cơ và thách thức đan xen nhau. Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, mang đến cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục có vị trí chiến lược ngày càng quan trọng. Tại Đông Nam Á, môi trường an ninh, tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông còn diễn biến phức tạp. Ở trong nước, thế và lực, sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên, uy tín quốc tế của nước ta ngày càng được nâng cao, thời cơ và vận hội phát triển mở ra rộng lớn. Tuy nhiên, nước ta vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức và hạn chế. Bốn nguy cơ mà Đảng ta chỉ ra vẫn còn tồn tại, có mặt còn gay gắt hơn, nhất là nguy cơ tụt hậu, rơi vào “bẫy thu nhập trung bình” còn lớn; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức vẫn diễn biến phức tạp; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực... vẫn chưa được đẩy lùi có hiệu quả. Các thế lực thù địch, phản động chống phá sự nghiệp cách mạng ngày càng quyết liệt, nhất là trên không gian mạng. Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư không chỉ mang lại cơ hội, mà còn cả thách thức, nhất là trong xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, bảo vệ thị trường nội địa, giữ vững độc lập về chính trị, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc, đề kháng có hiệu quả trước các hoạt động lợi dụng những thành tựu công nghệ để chống phá Đảng, Nhà nước, đặc biệt là chống phá trên lĩnh vực ý thức hệ, tư tưởng. Cùng với đó, dịch bệnh COVID-19 vẫn diễn biến rất phức tạp, vừa gây khó khăn, cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, vừa gây ra tâm lý bất ổn, khó lường trong xã hội.

Tình hình nêu trên sẽ tác động mạnh, nhiều chiều đến tâm lý, tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, đòi hỏi công tác tư tưởng của Đảng phải nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục và hiệu quả. Đồng thời, bối cảnh mới cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết phải triển khai đồng bộ nhiều nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để đưa công tác tư tưởng đi vào chiều sâu, cụ thể như sau.

*Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư tưởng; phối hợp chặt chẽ các “binh chủng” trên mặt trận tư tưởng, tạo sức mạnh tổng hợp, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới*. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định nhất đến việc tăng cường tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công

tác tư tưởng trong giai đoạn mới. Để nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục và hiệu quả của công tác tư tưởng, các cấp ủy, tổ chức đảng cần quán triệt sâu sắc, bám sát và triển khai kế hoạch đề cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng về công tác tư tưởng, nhất là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa X, “Về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới” và những quan điểm mới về công tác tư tưởng mà Đại hội XIII của Đảng đã đề ra.

Đặc biệt, cần tăng cường tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc và lịch sử cách mạng vẻ vang của Đảng, sự đoàn kết, thống nhất của toàn dân tộc; không ngừng nâng cao trình độ lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên. Đổi mới căn bản chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục lý luận chính trị theo phương châm “khoa học, thực tiễn, sáng tạo và hiện đại”. Đây mạnh tuyên truyền sâu rộng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước gắn với đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ, tạo sự đồng thuận về nhận thức, thống nhất hành động trong Đảng và nhân dân.

*Hai là, tập trung tổng kết thực tiễn, gắn tổng kết thực tiễn với phát triển lý luận, nâng tầm lý luận của Đảng về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và giải đáp được những vấn đề mới, khó mà thực tiễn đã và đang đặt ra.* Phải khắc phục cho được một hiện tượng khá phổ biến trong công tác lý luận bấy lâu nay là, những vấn đề khó, phức tạp, nhạy cảm đều ngại đưa ra bàn luận, né tránh, thậm chí khất lãn. Những “khoảng trống lý luận” nếu không được giải quyết thấu đáo sẽ tạo “lỗ hổng” cho các thế lực thù địch, phản động tấn công vào cơ sở lý luận của Đảng. Đối với các vấn đề lý luận khó, phức tạp, còn có những ý kiến khác nhau thì cần đưa ra thảo luận dân chủ rộng rãi, tranh luận đến cùng, từng bước thu hẹp dần khác biệt trước khi quyết định, tuyệt đối tránh thảo luận một cách hình thức, chiếu lệ. Việc nghiên cứu, vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh phải luôn gắn liền với đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, nâng cao tính chiến đấu trên mặt trận tư tưởng, lý luận; vì đây là hai mặt của công tác lý luận có quan hệ mật thiết, không tách rời nhau; phải trở thành nhiệm vụ hàng đầu và thường xuyên trong công tác chính trị, tư tưởng, lý luận của Đảng.

*Ba là, thường xuyên nắm chắc tình hình tư tưởng trong Đảng, trong nhân dân, dự báo sát và đúng dư luận xã hội gắn với tích cực đổi mới việc học tập, quán triệt, tuyên truyền nghị quyết của Đảng.* Muốn nâng cao tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng thì phải nắm chắc, dự báo đúng, định hướng chính xác, xử lý đúng đắn, kịp thời các vấn đề tư tưởng trong Đảng, trong xã hội; chú trọng nắm bắt, định hướng dư luận xã hội; từ đó, mới có định hướng đúng và sát hợp, bảo đảm thống nhất tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận cao trong xã hội. Trong quán triệt, tuyên truyền nghị quyết của Đảng, phải chú ý quán triệt, tuyên truyền những nội dung cơ bản, cốt lõi, những điểm mới trong nghị quyết; bám sát lĩnh vực, địa bàn, đối tượng, với những lợi ích thiết thực, chú ý tới những bức xúc, những mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình phát triển của thực tiễn. Đa dạng hóa các phương thức học tập, quán triệt, tuyên truyền nghị quyết của Đảng, như kết hợp trực tiếp với trực tuyến để gia tăng tính thuyết phục, hấp dẫn, hiệu quả.

*Bốn là, công tác tư tưởng phải tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, nhất là trên không gian mạng; chủ động cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, khách quan, đúng định hướng để phòng, chống “diễn biến hòa bình”, những thông tin xấu, độc trên internet, mạng xã hội.* Muốn vậy, cần phải nhận diện rõ những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động, những thông tin xấu, độc phát tán trên internet, mạng xã hội; đồng thời, tiến hành một cách bài bản, căn cơ công tác nghiên cứu nền tảng tư tưởng của Đảng. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác lý luận chuyên sâu, am hiểu sâu sắc và đủ trình độ đấu tranh có hiệu quả trên mặt trận tư tưởng, lý luận. Có như vậy, chúng ta mới gia tăng được tính chiến đấu, mới có thể bảo vệ hiệu quả nền tảng tư tưởng của Đảng, tăng cường được niềm tin của nhân dân và sự đồng thuận trong xã hội; đồng thời, không cho phép bất cứ hoạt động nào lợi dụng “tự do tư tưởng”, “tự do học thuật” để tuyên truyền quan điểm sai trái, thù địch, chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây bất ổn xã hội, cản trở sự phát triển của đất nước. Tiến hành đấu tranh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng không chỉ bằng lập luận khoa học, lô-gíc, mà còn phải bằng dữ liệu thực tế, qua những mô hình cụ thể, bằng gương người tốt, việc tốt; sử dụng các hình thức của truyền thông hiện đại, truyền thông đa phương tiện, kết hợp vận dụng các thành tựu khoa học - công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư... Chính thực tiễn cuộc đấu tranh trên lĩnh vực đầy cam go, thử thách này đang đặt ra đòi hỏi cấp thiết về việc cần phải tăng cường hơn nữa tính chiến đấu và tính thuyết phục của những luận cứ; qua đó, mới đủ sức bẻ gãy tận gốc, bác bỏ một cách đanh thép nhất các quan điểm sai trái, thù địch, hòng phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng và những thành tựu to lớn, có ý nghĩa



lịch sử mà Đảng và nhân dân ta đã đạt được.

*Năm là, phát huy hơn nữa vai trò của báo chí, văn học, nghệ thuật trên mặt trận tư tưởng và trong định hướng dư luận.* Báo chí phải tăng cường hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả; chủ động ứng phó kịp thời trước những sự cố khủng hoảng truyền thông; góp phần hình thành dư luận xã hội lành mạnh, biểu dương các tấm gương người tốt, việc tốt, tăng cường sự đồng thuận xã hội và củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Tăng cường quản lý và định hướng hoạt động của các cơ quan báo chí; tập trung đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý báo chí, phóng viên, biên tập viên có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức trong sáng và tinh thông nghiệp vụ để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền; xử lý nghiêm theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với các cơ quan báo chí, phóng viên đăng tải thông tin chưa được xác minh, kiểm chứng, không có cơ sở, căn cứ, gây ảnh hưởng không tốt đến dư luận xã hội; phát huy hơn nữa vai trò của văn học, nghệ thuật trên mặt trận tư tưởng; đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ phục vụ công tác tuyên truyền, bảo đảm an ninh tư tưởng trên môi trường không gian mạng”.

*Sáu là, công tác tư tưởng phải cổ vũ, tăng cường trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị; gắn với phòng, chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, triệt để Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 các khóa XI, XII, XIII.* Công tác tư tưởng phải gia tăng, làm sâu sắc hơn nhận thức, có sức lay động đến con tim của mỗi người, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, đảng viên, về danh dự, giá trị trong cuộc sống của một con người; phải có ý thức, trách nhiệm rất cao về lòng tự trọng, nhân cách làm người. Mỗi cán bộ, đảng viên phải luôn tự ý thức rằng, mình sống giữa nhân dân, vì nhân dân, thấu hiểu và cố gắng đáp ứng những yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, để dân tin Đảng, yêu Đảng, đi theo Đảng, thực hiện một cách tích cực, sáng tạo chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

*Bảy là, có kế hoạch, chiến lược phát triển một cách căn cơ, bài bản đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, nhất là đội ngũ chuyên gia đầu ngành, đi đôi với xây dựng chính sách thu hút, đãi ngộ thỏa đáng, kịp thời.* Trong điều kiện đội ngũ cán bộ, chuyên gia làm công tác tư tưởng còn mỏng, thì lại càng cần phải nhanh chóng có chiến lược và giải pháp đột phá cho vấn đề này. Thực tế cho thấy, không thể nâng cao được tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng nếu không tập trung vào chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng. Cần xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, lựa chọn chuyên gia theo tinh thần trọng dụng nhân tài, có chính sách hợp lý để khuyến khích cán bộ dám nghĩ, dám làm, đề xuất được các kiến nghị, giải pháp có tính đột phá để giải quyết những vấn đề tư tưởng quan trọng, cấp bách mà thực tiễn phát triển đang đặt ra. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu và thường xuyên đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng; tạo nguồn căn cơ, lâu dài cho việc phát triển đội ngũ này. Hoàn thiện chế độ, chính sách ưu tiên đặc biệt cho những người làm công tác tư tưởng, lý luận; có hình thức tôn vinh, khen thưởng bậc cao đối với những người có nhiều đóng góp xuất sắc, đi đôi với ra sức khơi gợi lòng tự hào, nâng cao trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng.

*Tám là, công tác tư tưởng hiện nay phải góp phần phát huy cao độ ý chí tự lực, tự cường, khơi dậy tinh thần sáng tạo, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.* Tập trung nâng cao nhận thức, quán triệt thật sâu sắc, thường xuyên, liên tục cho đội ngũ cán bộ, đảng viên nắm vững nội dung những tư tưởng then chốt, thể hiện ở chủ đề của Đại hội XIII là: Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để phát huy ý chí tự lực, tự cường, khơi dậy tinh thần sáng tạo, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc theo tư tưởng Hồ Chí Minh, công tác tư tưởng phải hướng tới việc tăng cường cung cấp cho đội ngũ cán bộ, đảng viên những nhận thức mới, kiến thức, tư duy mới, quyết tâm cao để có thêm cơ sở, động lực phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm, những đột phá chiến lược mà Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã đề ra. Đây là việc làm thiết thực để mỗi cán bộ, đảng viên phát huy cao độ ý chí, trách nhiệm, tinh thần cống hiến, lao động sáng tạo, phụng sự Tổ quốc, dân tộc, phục vụ nhân dân trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

## **2. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT**

## TRUNG ƯƠNG 5 KHÓA XIII

*Ngày 16/6/2022, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TW “về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới”. Một trong những điểm nhấn quan trọng của Nghị quyết là Đảng ta đã đánh giá những ưu điểm, hạn chế của đội ngũ đảng viên ở Việt Nam hiện nay và đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.*

### **Đội ngũ đảng viên là lực lượng nòng cốt, là cầu nối giữa Đảng với Nhân dân**

Ở Việt Nam, đội ngũ đảng viên là lực lượng nòng cốt, là cầu nối giữa Đảng với Nhân dân, là nhân tố kết nối, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân, góp sức cùng nhân dân thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng của Đảng.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến việc giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên. Người luôn nhắc nhở “mỗi đảng viên... phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”, phải “xứng đáng là người lãnh đạo, người đày tớ trung thành của nhân dân”. Tiếp thu tinh thần đó, Đảng ta cũng luôn chú trọng đến việc xây dựng và phát triển đội ngũ đảng viên.

Theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, đảng viên “là chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam, suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng của Đảng, đặt lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động lên trên lợi ích cá nhân”.

Trong 10 năm qua (từ 2010-2020), công tác xây dựng đội ngũ đảng viên ở nước ta đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh, củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đang xây dựng. Tính đến 31/12/2021, toàn Đảng có tổng số 5.325.532 đảng viên. Công tác phát triển đảng viên được chú trọng, số lượng đảng viên tăng mạnh mẽ qua các nhiệm kỳ. Trung bình 10 năm qua, mỗi năm tăng 143.357 đảng viên. Đến nay tỷ lệ đảng viên trên dân số cả nước là 5,4% (bình quân 100 người dân có khoảng 6 đảng viên)”.

Ngoài sự gia tăng liên tục về số lượng, cơ cấu độ tuổi của đảng viên tương đối phù hợp về số lượng đảng viên nữ, trẻ, đồng bào dân tộc thiểu số, người có tôn giáo, chủ doanh nghiệp tư nhân tăng, tạo nguồn cán bộ cho Đảng. “Đảng viên nữ chiếm 38,1% tổng số đảng viên toàn Đảng, sau 10 năm, tỷ lệ đảng viên nữ tăng gấp 1,8 lần so với tỷ lệ tăng đảng viên của toàn Đảng. Đảng viên là đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 12,3%. Đảng viên là người có tôn giáo chiếm 1,8%. Độ tuổi trung bình của đảng viên là 43,9 tuổi (tăng 0,1 tuổi so với năm 2010)”. Chất lượng đội ngũ đảng viên có chuyển biến tích cực; trình độ học vấn, chuyên môn, lý luận chính trị ngày càng cao hơn (đảng viên có trình độ đại học trở lên chiếm khoảng 55%; có trình độ lý luận chính trị từ sơ cấp trở lên hơn 60%.

Trên cơ sở đó, tại Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII, Đảng ta đã đánh giá khái quát những kết quả đạt được trong công tác phát triển đảng viên thời gian qua. Đó là: “Công tác phát triển đảng viên được chú trọng; số lượng đảng viên nữ, trẻ, người dân tộc thiểu số, người theo tôn giáo, chủ doanh nghiệp tư nhân tăng. Chất lượng đội ngũ đảng viên chuyển biến tích cực, trình độ học vấn, chuyên môn, lý luận chính trị được nâng cao hơn. Phần lớn đội ngũ đảng viên luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, có ý thức rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, tự phê bình và phê bình, tiên phong, gương mẫu, xây dựng mối quan hệ mật thiết với nhân dân”. Nhận định trên cho thấy những chuyển biến tích cực trong công tác phát triển đảng viên, cả về số lượng, cơ cấu, chất lượng; đặc biệt là những chuyển biến tích cực trong nội tại của bản thân đội ngũ đảng viên như tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống... Có được những kết quả đó một mặt do thời gian qua, Đảng ta đặc biệt chú trọng đến công tác xây dựng Đảng, nhưng mặt khác cũng do chính bản thân đội ngũ cán bộ, đảng viên đã có những nhận thức đúng đắn về trách nhiệm của mình trước Đảng, trước nhân dân. Điều đó góp phần quan trọng trong việc xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng và chế độ.

Bên cạnh việc đánh giá những chuyển biến tích cực, tại Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII, với tinh thần “nhân thẳng sự thật, nói đúng sự thật”, Đảng ta cũng chỉ rõ những hạn chế trong công tác phát triển đảng viên hiện nay. Đó là: “Một bộ phận đảng viên năng lực, trình độ, trách nhiệm chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; phai nhạt lý tưởng cách mạng, thiếu bản lĩnh chính trị, đấu tranh tự phê bình và phê bình yếu; tinh thần trách nhiệm, ý chí phấn đấu giảm sút; chưa gương mẫu, sống thực dụng; suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, vi phạm nguyên tắc, kỷ luật đảng, vi phạm pháp luật. Nhận thức về Đảng, động cơ phấn đấu vào Đảng của không ít đảng viên chưa đúng, không trong sáng. Cơ cấu đảng viên chưa hợp lý; tỉ lệ đảng viên trẻ chưa tương xứng với tiềm năng”. Đây là những nhận định rất toàn diện về những hạn chế trên các mặt như

năng lực, trình độ, bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống, động cơ chính trị... của đảng viên hiện nay. Nhận định này dựa trên kết quả của quá trình tổng kết thực tiễn về tình hình đảng viên thời gian qua và xuất phát từ tinh thần khách quan, thẳng thắn của Đảng. Không phải trong những năm gần đây, Đảng ta liên tục đưa ra những nghị quyết chuyên đề về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng như Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI (năm 2012), khóa XII (năm 2016), khóa XIII (năm 2021). Một trong những nguyên nhân quan trọng là do tình hình suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của một bộ phận đảng viên ngày càng nghiêm trọng. Đúng như Đảng ta từng cảnh báo: “Suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống dẫn tới “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” là một bước ngăn, thậm chí rất ngăn, nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc”.

Trước tình hình đó, việc Đảng ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TW “về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới” là hết sức cần thiết, đáp ứng yêu cầu cấp bách trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong giai đoạn hiện nay.

### **Nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên đáp ứng yêu cầu của tình hình mới**

Trên cơ sở đánh giá khách quan, toàn diện cả những ưu điểm và hạn chế trong công tác phát triển đảng viên ở Việt Nam thời gian qua, Nghị quyết Trung ương 5 khóa XIII đã đưa ra những quan điểm, giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong tình hình mới.

Về quan điểm, Đảng ta chỉ rõ: “Đội ngũ đảng viên là nhân tố quyết định năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng”. Đội ngũ đảng viên chính là chủ thể tạo nên các cơ sở, tổ chức đảng nên sức mạnh của mỗi tổ chức đảng phụ thuộc trước hết vào đội ngũ đảng viên. Do đó, tại Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII, đã đưa ra quan điểm chỉ đạo cụ thể về nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Đó là một mặt, các tổ chức đảng cần tạo môi trường để đảng viên rèn luyện, phấn đấu; song mặt khác, mỗi đảng viên phải tự ý thức học tập, rèn luyện nhân cách, đạo đức, phong cách, không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, tiên phong, gương mẫu, thực hiện nghiêm các nguyên tắc của Đảng và lời thề khi vào Đảng. Đây là mối quan hệ hai chiều giữa tổ chức đảng và đảng viên, đóng vai trò quyết định trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên ở Việt Nam hiện nay.

Với mục tiêu: Nâng cao chất lượng phát triển đảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới, Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII đã đưa ra một số giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

*Một là, đổi mới, tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị cho đảng viên.*

Trước những hạn chế về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, việc đổi mới, tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng là rất cần thiết, giúp cho mỗi đảng viên hiểu rõ hơn về trách nhiệm của mình trước Đảng, trước nhân dân, có ý thức tu dưỡng, rèn luyện bản thân. Để gắn trách nhiệm của đảng viên trước những nhiệm vụ chính trị quan trọng của đất nước, khắc phục triệt để tình trạng bàng quan, thờ ơ về chính trị, phai nhạt lý tưởng cách mạng, Đảng ta chỉ rõ cần phải: “Chủ động nắm tình hình, diễn biến tư tưởng, kịp thời định hướng cho đảng viên trước những vấn đề phát sinh; tăng cường trách nhiệm của đảng viên trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch”.

Đặc biệt, trước những yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn, Đảng ta cũng chỉ rõ cần nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện chuẩn mực đạo đức cách mạng phù hợp với điều kiện mới và truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc, làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên tự giác tu dưỡng, rèn luyện. Mỗi đảng viên cũng cần nêu cao ý thức “tự soi”, “tự sửa”, đề cao danh dự, lòng tự trọng của đảng viên. Điều này sẽ giúp cho mỗi đảng viên tránh xa được những cám dỗ vật chất, danh vọng, quyền lực để giữ gìn đạo đức trong sạch, liêm chính.

*Hai là, tăng cường công tác quản lý đảng viên; kịp thời rà soát, sàng lọc đưa ra khỏi Đảng những đảng viên không đủ tư cách.*

Một trong những điểm mới của Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII là Đảng đã nhấn mạnh đến công tác quản lý đảng viên vì thực tiễn thời gian qua cho thấy, do sự buông lỏng quản lý của các tổ chức đảng mà không ít đảng viên có biểu hiện coi thường kỷ luật đảng, sa vào chủ nghĩa cá nhân, tiêu cực, vi phạm pháp luật, thậm chí bị truy tố, khai trừ ra khỏi Đảng. Do đó, việc tăng cường quản lý đảng viên, phát huy vai trò kiểm tra, giám sát của mỗi cơ sở đảng là rất cần thiết. Đảng ta chỉ rõ: “Đổi mới công tác đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên; phát hiện, khen thưởng, nhân rộng những tấm gương đảng viên xuất sắc, tiêu biểu trên các lĩnh vực; kịp thời nhắc nhở, giáo dục, giúp đỡ đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ hoặc khi có khuyết điểm, vi phạm”.

Một điểm nhấn cũng đáng lưu ý là trong Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII, Đảng ta nhấn mạnh đến việc

tăng cường kỷ luật Đảng, kiên quyết xử lý kỷ luật những đảng viên vi phạm như: “kiên quyết đưa đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng; kịp thời chấn chỉnh đối với đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ, đảng viên không thực hiện đúng quy định về chuyên sinh hoạt đảng; đảng viên vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật nhà nước; đảng viên thiếu gương mẫu, uy tín thấp”. Điều này thể hiện tinh thần nhất quán trong chỉ đạo của Đảng về tăng cường kỷ cương, kỷ luật của Đảng, góp phần xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh.

*Ba là, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên.*

Nâng cao công tác kết nạp đảng viên cũng là một điểm nhấn quan trọng được đưa ra tại Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII nhằm khắc phục tình trạng tỉ lệ đảng viên ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, nước ngoài còn thấp, thậm chí có một số nơi còn tình trạng “trắng” đảng viên. Với phương châm: *Ở đâu có dân thì ở đó có đảng viên*, Hội nghị chỉ rõ: “Tiếp tục tăng số lượng, đồng thời chú trọng nâng cao chất lượng phát triển đảng viên; đẩy mạnh bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng những đoàn viên, hội viên ưu tú, trưởng thành trong lao động, học tập, trong lực lượng vũ trang; quan tâm phát triển đảng viên trong công nhân, cán bộ quản lý trong doanh nghiệp, khu vực ngoài nhà nước, nông dân, trí thức, thanh niên, sinh viên, người có tôn giáo, ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số theo nhằm tạo nguồn cán bộ cho hệ thống chính trị các cấp trước mắt và lâu dài”.

Một trong những nội dung được Hội nghị đưa ra trong việc nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên là đổi mới nội dung, chương trình bồi dưỡng đối tượng kết nạp đảng và đảng viên mới bảo đảm thiết thực, chất lượng, hiệu quả theo hướng tập trung vào những vấn đề cơ bản về Đảng, tiêu chuẩn, điều kiện, nhiệm vụ, quyền của đảng viên, tính tiên phong, gương mẫu, nhất là xác định đúng đắn động cơ vào Đảng. Đây là giải pháp rất cần thiết nhằm khắc phục những điểm lạc hậu, bất hợp lý trong chương trình bồi dưỡng đối tượng kết nạp đảng và đảng viên mới; đảm bảo nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn; đồng thời góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người cán bộ khi đứng trong hàng ngũ của Đảng.

Có thể nhận thấy, Nghị quyết số 21-NQ/TW “về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới” có ý nghĩa rất quan trọng trong tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị hiện nay. Nghị quyết không chỉ đặt ra yêu cầu cho mỗi tổ chức cơ sở đảng trong việc giáo dục, rèn luyện nâng cao chất lượng đảng viên mà còn giúp cho mỗi đảng viên nhận thức rõ hơn trách nhiệm của mình trong việc “tự soi”, “tự sửa”, không ngừng tu dưỡng, rèn luyện tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống để luôn xứng đáng là “người lãnh đạo, người đầy tớ trung thành của nhân dân”.

*Theo Tạp chí Tuyên giáo số tháng 8/2022*

### **3. RÀ SOÁT, XỬ LÝ TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN VI PHẠM**

Sáu tháng đầu năm 2022, cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp của tỉnh Bến Tre đã xử lý kỷ luật 79 đảng viên và 01 tổ chức đảng, tăng 23 đảng viên và 01 tổ chức đảng so cùng kỳ. Nguyên nhân là do một số cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu chưa quyết tâm, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, có biểu hiện trông chờ vào chỉ đạo, hướng dẫn của trên; vai trò của cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp chưa phát huy đúng mức; nhiều vụ việc vi phạm đã xảy ra thời gian từ trước, do liên quan quy trình xử lý kỷ luật theo quy định nên chưa xử lý kịp thời (chờ kết quả xét xử của tòa án, thời gian nuôi con nhỏ,...); công tác tự kiểm tra, giám sát của chi bộ trong quản lý đảng viên chưa tốt, chưa đủ sức phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm; một số khuyết điểm, sai phạm của tổ chức đảng và đảng viên chậm được phát hiện...

Để chủ động, kịp thời phát hiện và xử lý tổ chức đảng, đảng viên vi phạm kỷ luật, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Công văn số 2462-CV/TU, ngày 29/7/2022 đề nghị các ban đảng tỉnh, ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy thực hiện tốt một số nội dung như sau: Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo mở đợt kiểm tra, giám sát toàn diện trên tất cả các lĩnh vực để kịp thời phát hiện, làm rõ khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên để xử lý, không để vi phạm kéo dài hoặc không phát hiện xử lý. Tăng cường giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nhất là Chương trình số 13-CT/TU, ngày 26/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện đồng bộ các giải pháp kéo giảm đảng viên vi phạm kỷ luật; đồng thời tập trung rà soát, sàng lọc đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng theo Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư.

Quán triệt đầy đủ, toàn diện, sâu sắc các quy định, hướng dẫn của Trung ương, nhất là Quy định số 22-QĐ/TW về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Quy định số 37-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm; Quy định số 69-QĐ/TW của Bộ Chính trị về kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng và các quy định thi hành Điều lệ Đảng để tạo cơ sở thực hiện đúng quy định của Đảng

một cách đồng bộ, chặt chẽ. Tổ chức đảng và đảng viên bình đẳng trước kỷ luật của Đảng, nếu có vi phạm đều phải xem xét thi hành kỷ luật công minh, chính xác, kịp thời. Khi xem xét kỷ luật phải căn cứ vào nội dung, động cơ, tính chất, mức độ, hậu quả, nguyên nhân vi phạm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, ý thức thái độ tự phê bình, tiếp thu phê bình và kết quả sửa chữa, khắc phục khuyết điểm, vi phạm, hậu quả đã gây ra để áp dụng hình thức kỷ luật đúng quy định, tạo sự thống nhất, đồng thuận cao, có tính thuyết phục, giáo dục, răn đe, thật sự có tác dụng phòng ngừa vi phạm trước mắt và lâu dài.

Đổi mới phương pháp, tăng cường phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng theo chiều sâu, theo hướng chuyên đề, tập trung vào các lĩnh vực cụ thể, nhất là phối hợp thực hiện tốt Quy định số 01-QĐ/TW, ngày 10/5/2018 của Bộ Chính trị về trách nhiệm và thẩm quyền của ủy ban kiểm tra trong công tác phòng, chống tham nhũng và các nhiệm vụ khác có liên quan. Mỗi cơ quan phối hợp phải phân công cán bộ chuyên trách, am hiểu sâu công tác xây dựng Đảng về kiểm tra, giám sát để kết nối chặt chẽ, tương tác thường xuyên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Quan tâm lựa chọn cán bộ có đủ trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức để tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát nhất là đối với các cơ quan có quy chế phối hợp.

Tổ chức tọa đàm tạo sự thống nhất nhận thức và hành động của người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Đảng với chủ đề “Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, ủy ban kiểm tra thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp trong Chiến lược kiểm tra, giám sát của Đảng”. Nơi nào đề tổ chức đảng, đảng viên vi phạm kỷ luật cao thì xem xét, xử lý nghiêm trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, ủy ban kiểm tra nơi đó đúng quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Tạo điều kiện, cơ chế thông tin cho cơ quan ủy ban kiểm tra để có đủ cơ sở tham mưu, giúp cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chức năng lãnh đạo, nhất là thông tin về các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, các chương trình, dự án dễ xảy ra vi phạm tham nhũng, tiêu cực, để ủy ban kiểm tra sớm vào cuộc thực hiện chức năng giám sát, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; tạo điều kiện bảo đảm kiểm tra, kỷ luật của Đảng đi trước, mở đường cho cơ quan bảo vệ pháp luật thực thi nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ có hiệu quả cao; thực hiện đồng bộ các giải pháp chế tài đối với vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên, góp phần làm cho tổ chức đảng, đảng viên không thể vi phạm kỷ luật.

#### **Ban Biên tập**

#### **4. TÌNH HÌNH AN NINH TRẬT TỰ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THÁNG 8/2022**

Về phạm pháp hình sự đã phát hiện 10 vụ (*trong tháng xảy ra 01 vụ, 09 vụ xảy ra trước đây nay xác định có tội phạm*) gồm: 01 vụ cướp tài sản, 02 vụ cố ý gây thương tích, 07 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị thiệt hại khoảng 106.150.000 đồng).

Tệ nạn xã hội xảy ra 04 vụ với 32 đối tượng vi phạm về đánh bạc và sử dụng trái phép chất ma túy.

Tai nạn giao thông: xảy ra 03 vụ, làm 02 người chết, 01 người bị thương. Tai nạn do điện giật xảy ra 01 vụ, làm 01 người chết.

Vào lúc 16 giờ ngày 18/7/2022 Công an Bình Phú kiểm tra nhà nghỉ Anh Duy, ấp Bình Thành, Bình Phú. Qua kiểm tra phát hiện tại phòng số 11 có 28 đối tượng đang tổ chức đánh bạc (lắc tài xỉu) ăn thua bằng tiền. Triệt xóa tụ điểm đánh bạc dưới hình thức đánh bài ăn thua bằng tiền tại ấp Phú Thành, xã Phú Hưng. Giải tán 01 tụ điểm lắc tài xỉu tại khu phố Bình Lợi, Phường 6, thành phố Bến Tre. Kiểm tra hành chính 01 nhà cho thuê tháng tại ấp Bình Thành, xã Bình Phú, mời 04 đối tượng về thử test ma túy, kết quả dương tính 04 đối tượng.

Xử phạt hành chính đối với Nguyễn Thúy Hồng, SN: 1980, ĐKTT: 43 Lê Lợi, Phường An Hội, thành phố Bến Tre về hành vi không thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đúng quy định, số tiền 15.000.000 đồng, xảy ra ngày 25/7/2022 tại xã Phú Nhuận, thành phố Bến Tre.

Phối hợp Đoàn kiểm tra 814 -178 kiểm tra 04 cơ sở kinh doanh (01 cơ sở cà phê, gội đầu; 01 cơ sở Massage, xông hơi; 02 cơ sở Game bắn cá). Qua kiểm tra, có 03 cơ sở không xuất trình được giấy phép kinh doanh và lập biên bản vi phạm hành chính. Kiểm tra 05 nhà nghỉ, 48 nhà cho thuê, 03 hộ gia đình; nhắc nhở 06 nhà cho thuê ghi đầy đủ thông tin khách lưu trú vào sổ quản lý theo quy định.

Tổ chức tuần tra kiểm soát giao thông đường bộ 95 lượt, kiểm tra 1.163 phương tiện, lập biên bản 74 trường hợp; tạm giữ 60 phương tiện, 14 giấy tờ liên quan, giáo dục tại chỗ 1.156 trường hợp; quyết định xử phạt 45 trường hợp vi phạm với tổng số tiền là 65.025.000 đồng; tước quyền sử dụng giấy phép lái xe có thời hạn 13 trường hợp.

Công an các phường, xã tuần tra giải tỏa, kiểm tra trật tự đô thị 593 cuộc, nhắc nhở 1.544 hộ buôn bán lấn chiếm vỉa hè, lòng lề đường.

Trong thời gian tới, Công an thành phố tiếp tục đấu tranh với các loại tội phạm, nhất là tội phạm trên lĩnh vực kinh tế, môi trường, tội phạm hoạt động theo kiểu xã hội đen, tội phạm liên quan đến ma túy và tội phạm trộm cắp tài sản; tập trung đấu tranh quyết liệt với các tụ điểm tệ nạn xã hội (cờ bạc, ma túy...) phát sinh trên địa bàn không để hình thành điểm nóng, không để tạo dư luận, gây bức xúc trong nhân dân. Tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng nắm bắt thông tin, đấu tranh với các đối tượng lợi dụng không gian mạng để tuyên truyền nói xấu quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước...

Nguyễn Văn Đoàn, CATP

### III. THÔNG TIN THAM KHẢO

#### **Tuyên ngôn độc lập: Sự kế thừa, phát triển những giá trị tư tưởng tiên bộ của thời đại**

*Tuyên ngôn độc lập* của Mỹ và *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của Pháp là hai bản tuyên ngôn nổi tiếng của nhân loại. Đó là văn kiện pháp lý thâm nhuần tư tưởng tiên bộ của thời đại, nêu cao nguyên tắc bình đẳng, dân chủ và các quyền cơ bản của con người, của dân tộc. Trân trọng những giá trị cao cả ấy, trong một thời đại mới và một cuộc cách mạng mới, Hồ Chí Minh đã tiếp thu, kế thừa và hơn nữa phát triển các giá trị ấy ở hai nội dung cơ bản là quyền con người, quyền dân tộc và nguyên tắc chủ quyền nhân dân.

#### **KẾ THỪA VÀ PHÁT TRIỂN QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN DÂN TỘC**

*Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ năm 1776 và *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* năm 1789 được ra đời từ sau cuộc đấu tranh giành độc lập của 13 bang thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ và cuộc đại cách mạng tư sản Pháp. Trên cơ sở kế thừa những tư tưởng tiên bộ thời kỳ Khai sáng, hai bản Tuyên ngôn là những lời khẳng định đầy sức thuyết phục về quyền con người, quyền dân tộc, về nguyên tắc “chủ quyền nhân dân” trong cuộc đấu tranh chống lại chế độ phong kiến chuyên chế hướng con người vươn tới các giá trị dân chủ, giá trị nhân văn cao cả về tự do, bình đẳng, bác ái.

Các bản Tuyên ngôn khẳng định những quyền con người cơ bản nhất đó là quyền sống, quyền tự do, quyền bình đẳng, quyền tư hữu tài sản. Đó là “quyền tự nhiên, không thể chuyển nhượng và bất khả xâm phạm của mỗi con người”.

Trong bản *Tuyên ngôn độc lập* nước Mỹ, tác giả Thomas Jefferson khẳng định các nước thuộc địa phải có quyền là quốc gia tự do và độc lập và từ việc xóa bỏ quyền thống trị của thực dân Anh, cuộc đấu tranh vì nền độc lập của các bang thuộc địa ở Bắc Mỹ cũng nhằm tới tranh đấu cho các quyền tự nhiên của riêng mỗi con người. Với những giá trị to lớn như vậy hai bản Tuyên ngôn đánh mốc dấu son trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng con người. Đó là bản Tuyên ngôn mang đậm giá trị nhân văn, nhân bản, là nền tảng để xây dựng các bản Hiến pháp dân chủ tiên bộ của nước Pháp, nước Mỹ sau đó.

Bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của cách mạng Pháp năm 1791 cũng nêu rõ: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”.

Trong *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945 của Việt Nam, từ những dòng đầu tiên, Hồ Chí Minh đã trích dẫn những câu nổi tiếng nhất trong hai bản Tuyên ngôn lịch sử đó với thái độ rất trân trọng: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc...”. Ở đây, Hồ Chí Minh đã xuất phát từ những giá trị nhân văn cao cả, mang tính phổ quát toàn nhân loại làm cơ sở, mục tiêu cho cuộc đấu tranh của dân tộc Việt Nam. Từ đó, Người khẳng định cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam cũng là nhằm thực hiện những quyền chính đáng, thiêng liêng không ai có thể xâm phạm, là sự tiếp nối của lá cờ giải phóng dân tộc, giải phóng con người mà các cuộc cách mạng Pháp, cách mạng Mỹ đã giương cao.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có sự kế thừa và mở rộng, phát triển vượt bậc những giá trị của các bản Tuyên ngôn trước đó trong thời đại mới. Trong *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ, nguyên bản câu “tất cả mọi người” là “tất cả đàn ông” (All men). Nguyên bản của câu đó là đặt trong bối cảnh nước Mỹ những năm cuối thế kỉ XVIII khi chế độ nô lệ còn tồn tại, sự phân biệt và kỳ thị chủng tộc rất nặng nề, những người đàn ông có quyền mà Tuyên ngôn đề cập đến chỉ là những người đàn ông da trắng. Như vậy, các quyền cơ bản của con người, quyền vốn có ấy lại không dành cho tất cả mọi người, mà chỉ dành cho đàn ông da trắng. Còn với Hồ Chí Minh, Người khẳng định một cách rõ ràng, quyền là dành cho “tất cả mọi người”, không phân biệt địa vị, thành phần, tôn giáo, giới tính, sắc tộc. Đó là sự mở rộng tuyệt đối, đem lại những giá trị to lớn và phù hợp với sự phát triển tiên bộ của nhân loại.

Cũng từ việc khẳng định đạo lý và chính nghĩa của nhân loại, Hồ Chí Minh đã vạch trần bộ mặt giả dối, bản chất tàn bạo của chủ nghĩa thực dân Pháp. Trong *Tuyên ngôn độc lập*, Người đã khái quát một cách sâu sắc tội ác của thực dân Pháp trong gần 100 năm cai trị ở đất nước ta trên tất cả các mặt, đặc biệt là việc chà

đạp, tước đoạt quyền các quyền tự nhiên của con người, của dân tộc. Và từ đó, Người khẳng định: trong thời đại mới, không chỉ chế độ phong kiến chuyên chế mà chủ nghĩa thực dân với bản chất tàn bạo của nó cần được xóa bỏ, để bảo vệ quyền và nhân phẩm của con người. Khi còn chủ nghĩa thực dân, còn tình trạng dân tộc này áp bức, nô dịch dân tộc khác thì chắc chắn quyền con người ở các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc bị chà đạp, không được ghi nhận và thực hiện.

Một điểm đáng chú ý nữa là từ quyền của con người, Hồ Chí Minh đã suy rộng ra quyền dân tộc “các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”<sup>(3)</sup>. Từ quyền con người, Người suy rộng ra quyền dân tộc cũng là quyền tự nhiên, thiêng liêng “là lẽ phải không ai chối cãi được”<sup>(4)</sup>. Nếu như trong bản Tuyên ngôn của nước Mỹ đã đề cập đến cả quyền con người, quyền dân tộc, thì đến bản Tuyên ngôn của Việt Nam đã gắn kết hai phạm trù pháp lý cơ bản này trong mối liên hệ biện chứng, chặt chẽ với nhau. Dân tộc độc lập là điều kiện tiên quyết để bảo đảm quyền con người và ngược lại thực hiện quyền con người chính là phát huy những giá trị cao cả và ý nghĩa thật sự của độc lập dân tộc. Quyền con người cao nhất chính là được sống trong đất nước tự do, là công dân của một nước độc lập.

Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh đã mở rộng nội hàm khái niệm quyền dân tộc cả chiều rộng và chiều sâu, mà các bản Tuyên ngôn trước chưa đề cập đến. Xuất phát từ hoàn cảnh nước Việt Nam thuộc địa vừa mới giành độc lập và bối cảnh lịch sử quốc tế bấy giờ, Hồ Chí Minh khẳng định: quyền dân tộc không chỉ là quyền dân tộc tự quyết, mà còn là quyền bình đẳng, quyền tự do, quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Độc lập dân tộc đã gắn bó mật thiết với các nguyên tắc dân tộc bình đẳng và tự quyết, với quyền sống và quyền hạnh phúc của mỗi dân tộc. Hơn nữa, quyền độc lập, bình đẳng ở đây phải được xác lập trong mối quan hệ với tất cả các nước trên thế giới, không phân biệt lớn nhỏ, mạnh yếu hay khác nhau về thể chế chính trị. Vì thế, *Tuyên ngôn độc lập* không còn chỉ dành riêng cho dân tộc Việt Nam mà đó còn là sự cổ vũ, lời khẳng định thiêng liêng của tất cả các dân tộc trên thế giới, đặc biệt là các dân tộc nhỏ yếu đang chịu sự cai trị của chủ nghĩa thực dân.

Từ quyền con người suy rộng ra quyền dân tộc, *Tuyên ngôn độc lập* đã góp phần tạo lập và khẳng định một nền pháp lý và công lý mới của văn minh nhân loại, hướng tới công bằng, bình đẳng, xóa bỏ ách áp bức, bóc lột, bất công trên bình diện quốc gia và quốc tế. Công lý ấy về sau không chỉ trở thành nguyên tắc lập hiến của Việt Nam, của nhiều quốc gia khác mà trở thành điều khoản pháp lý quốc tế khi nó đã được ghi vào Liên hợp quốc với các công ước quốc tế liên quan đến chủ quyền quốc gia, về quyền độc lập dân tộc và quyền tự quyết.

Hai bản Tuyên ngôn nước Pháp, nước Mỹ đề cập đến quyền con người, quyền dân tộc là quyền thiêng liêng, là một tất yếu của tạo hóa. Nhưng là người dân của một nước thuộc địa, Hồ Chí Minh thấu hiểu sâu sắc rằng quyền thiêng liêng, vốn có ấy không phải tự nhiên mà có được, mà phải đổ máu, hy sinh, phải đấu tranh với quyết tâm “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Đứng trước những thử thách khắc nghiệt của lịch sử, một dân tộc không biết đấu tranh cho độc lập, tự do thì cũng không xứng đáng được hưởng nền độc lập, tự do. Bản *Tuyên ngôn độc lập* của Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập... Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng Minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”. Dân tộc đó còn có quyết tâm sắt đá “đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy!”.

Sự ra đời của *Tuyên ngôn độc lập* thực sự là một mốc son trong lịch sử của dân tộc Việt Nam, cũng như trong cuộc đấu giải phóng của các dân thuộc địa. Nếu hai bản Tuyên ngôn của Pháp và Mỹ đánh dấu mốc quan trọng trong cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến, trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng con người; thì *Tuyên ngôn độc lập* báo hiệu một thời đại mới, thời đại giải phóng các dân tộc khỏi ách áp bức của chủ nghĩa thực dân trên quy mô toàn thế giới; thời đại của các dân tộc bị áp bức, bóc lột giành lại quyền sống, quyền độc lập, tự do.

### **KẾ THỪA VÀ PHÁT TRIỂN NGUYÊN TẮC VỀ CHỦ QUYỀN NHÂN DÂN**

Tiếp thu những tư tưởng tiên bộ trong tác phẩm *Khế ước xã hội* của Jean Jacques Rousseau, *Tuyên ngôn độc lập* của Mỹ khẳng định chân lý: “Rằng để đảm bảo cho những quyền lợi này, các chính phủ được lập ra trong nhân dân và có được những quyền lực chính đáng trên cơ sở sự nhất trí của nhân dân”. *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Pháp đã chỉ ra “sự thiếu hiểu biết, hờ hững hoặc coi thường những quyền của con người chính là nguyên nhân duy nhất dẫn đến những tai họa của cộng đồng, và dẫn đến sự thối nát của các chính quyền... Mục đích của tất cả các tổ chức chính trị là bảo vệ các quyền tự nhiên và bất khả xâm phạm của

con người”. Sự cần thiết của việc xây dựng chính quyền nhân dân, hoạt động vì mục tiêu cao nhất bảo vệ quyền con người, vì hạnh phúc con người đã được khẳng định trong hai bản Tuyên ngôn lịch sử này. Hơn thế nữa “bất cứ khi nào một thể chế chính quyền nào đó phá vỡ những mục tiêu này, thì nhân dân có quyền thay đổi hoặc loại bỏ chính quyền đó và lập nên một chính quyền mới, đặt trên nền tảng những nguyên tắc cũng như tổ chức thực thi quyền hành theo một thể chế sao cho có hiệu quả tốt nhất đối với an ninh và hạnh phúc của họ”.

Cuộc Cách mạng Tháng Tám ở Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo không chỉ là cuộc cách mạng làm nhiệm vụ giải phóng dân tộc, xóa bỏ xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp và của phát xít Nhật. Cuộc cách mạng ấy đồng thời thực hiện nhiệm vụ lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại ngót gần 1.000 năm. Việt Nam từ một nước thuộc địa, phong kiến đã trở thành một nước độc lập, theo chế độ Dân chủ Cộng hòa.

Trong *Tuyên ngôn độc lập*, Hồ Chí Minh thể hiện rất rõ chủ thể của cuộc cách mạng chính là nhân dân, thành quả cách mạng đạt được do nhân dân làm ra và nhân dân là người bảo vệ thành quả đó: “Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa”. Có thể nói, đến đây nguyên tắc “chủ quyền nhân dân” với ý nghĩa nhân dân là chủ thể nước Việt Nam mới, của chế độ Dân chủ Cộng hòa đã được Hồ Chí Minh khẳng định rõ ràng. Hơn nữa, khái niệm nhân dân mà Hồ Chí Minh sử dụng không bó hẹp trong giai cấp, tầng lớp nào mà là mọi người dân Việt Nam yêu nước, không phân biệt giới tính, địa vị, tôn giáo, giai cấp.

Chế độ Dân chủ Cộng hòa được Hồ Chí Minh trong Tuyên ngôn là chế độ thực hành nguyên tắc “chủ quyền nhân dân” một cách triệt để và thực chất. Đó là chế độ lập ra từ thành quả đấu tranh của nhân dân, được xây dựng theo ý nguyện của các tầng lớp nhân dân, hướng tới mục tiêu cao cả “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” cho nhân dân. Tư tưởng này của Người sau đó được thể hiện rõ nét trong Hiến pháp 1946 - bản Hiến pháp dân chủ đầu tiên của Việt Nam do Người làm Trưởng ban soạn thảo: “Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”. Điều 7 trong Hiến pháp ghi nhận quyền chính trị của công dân: Tất cả công dân Việt Nam đều bình đẳng trước pháp luật, đều được tham gia chính quyền và công cuộc kiến quốc tùy theo tài năng và đức hạnh của mình. Nhân dân có quyền quyết định những công việc trọng đại của đất nước cũng như bãi miễn các đại biểu mình đã bầu ra.

Có thể nói, ra đời sau hai bản Tuyên ngôn lịch sử của nhân loại hơn một trăm năm, trong bối cảnh lịch sử mới, bản *Tuyên ngôn độc lập* của Việt Nam đã kế thừa, chắt lọc phát triển giá trị căn cốt, mang tính bền vững và phổ quát nhất của hai bản Tuyên ngôn trước đó. Với những giá trị đó, *Tuyên ngôn Độc lập* của Việt Nam không chỉ là lời tuyên bố độc lập, khai sinh cho một Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa theo đuổi mục tiêu “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”, mà còn đóng góp quan trọng cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng con người và vì hạnh phúc của con người.

**TS. Lê Thị Hằng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**